

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2018 với nội dung như sau:

1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều thuận lợi cơ bản, bên cạnh cũng còn nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tình hình sản xuất nông nghiệp, thị trường tiêu thụ nông sản xuất khẩu..., nhưng với sự quyết tâm của các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, cùng với những tác động tích cực từ các cơ chế, chính sách kịp thời, hiệu quả của Trung ương... đã tạo thêm thuận lợi cho địa phương vượt qua khó khăn, thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết Hội đồng nhân dân Tỉnh, trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,04%, chỉ tiêu Nghị quyết là 7,5% (so với chỉ tiêu của Nghị quyết: có 13/16 chỉ tiêu đạt và vượt, 03/16 chỉ tiêu không đạt).

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp được triển khai đúng hướng, với nhiều mô hình sản xuất mới mang lại hiệu quả cao, liên kết sản xuất và tiêu thụ được mở rộng, xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu. Giá trị nông sản, sản phẩm công nghiệp chủ lực đều tăng, thương mại - dịch vụ được mở rộng và đạt mức tăng trưởng cao, hoạt động du lịch có bước khởi sắc. Môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng được cải thiện và thu hút thêm nhiều dự án đầu tư mới; tạo lập nhiều kênh thông tin kết nối với doanh nghiệp, giải quyết kịp thời các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh; chương trình khởi nghiệp lan toả rộng trong

nhân dân; nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất; các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch và quảng bá hình ảnh địa phương đạt nhiều kết quả tích cực.

Các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho gia đình chính sách được thực hiện chu đáo, kịp thời; nhiệm vụ giáo dục và đào tạo bảo đảm đạt các chỉ tiêu đề ra; quy chế phối hợp giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập bước đầu phát huy hiệu quả trong việc sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện tốt hơn; kết quả thực hiện công tác hỗ trợ giảm nghèo, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài mang lại kết quả thiết thực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên.

Các nhiệm vụ về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền được quan tâm thực hiện thường xuyên; nhiều đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tinh gọn, giảm đầu mối; hoạt động của Trung tâm Hành chính công phát huy hiệu quả, nhiều dịch vụ công tiện ích được triển khai⁽¹⁾ để giúp cho cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính thuận lợi; các chỉ số PCI, PAPI, PAR được duy trì và xếp trong nhóm dẫn đầu cả nước. Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm được triển khai thực hiện đồng bộ; tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; quan hệ đối ngoại tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách không đạt chỉ tiêu đề ra; tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm; thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu còn hạn chế; việc nhân rộng các mô hình sản xuất, chăn nuôi hiệu quả còn chậm; sản xuất công nghiệp chưa phát triển thêm ngành hàng mới với quy mô lớn; hoạt động hợp tác xã còn yếu kém; liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ so với sản lượng toàn Tỉnh, diện tích sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP còn thấp; tình trạng sạt lở bờ sông có chiều hướng diễn biến phức tạp, khó lường; hạ tầng và dịch vụ du lịch còn hạn chế. Tình trạng sử dụng các chất cấm trong bảo quản, chế biến thực phẩm chưa được xử lý triệt để. Còn một số cán bộ, công chức, viên chức chưa làm tròn trách nhiệm trong quan hệ giải quyết thủ tục hành chính, gây phiền hà, bức xúc đối với tổ chức và công dân; tình hình thanh thiếu niên vi phạm pháp luật còn chiếm tỷ lệ cao...

2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

a) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Chỉ tiêu kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (*GRDP giá 2010*) tăng 6,5% - 7,0%, khu vực nông nghiệp tăng 2,8% - 3,0%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng

⁽¹⁾ Tổng đài giải đáp thắc mắc, xây dựng website; thực hiện gửi và nhận hồ sơ qua đường bưu chính; triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; gửi tin nhắn (SMS) thông báo tình trạng giải quyết hồ sơ; triển khai thực hiện các quy trình liên thông; xây dựng kênh thông tin dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp trên ứng dụng zalo; thực hiện video clip đồ họa hướng dẫn về thủ tục hành chính...

7,0% - 7,2%, khu vực thương mại - dịch vụ tăng 9,3% - 10,2% so với ước thực hiện năm 2017.

+ GRDP/người đạt 41 triệu đồng (*tương đương 1.737 USD*) theo giá thực tế.

+ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6.691 tỷ đồng (*đã đưa số thu Xổ số kiến thiết vào phần thu nội địa*).

+ Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt từ 18.439 đến 18.527 tỷ đồng, chiếm 26,5% GRDP.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt 35,9%.

- Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:

+ Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội 50,5%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,1% (*đào tạo nghề đạt 46%*).

+ Giảm 1,5% tỷ lệ hộ nghèo.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 13,3%.

+ Có 25,1 giường bệnh/1 vạn dân (*trong đó giường bệnh công lập 23,3 giường*).

+ Bình quân có 7,9 bác sĩ/1 vạn dân.

+ Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 81,2%.

+ Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới là 43 xã (*tăng 07 xã so với năm 2017*).

- Chỉ tiêu môi trường:

+ Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%.

+ Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 78%.

(Có Phụ lục kèm theo)

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với xây dựng nông thôn mới; từng bước phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao:

+ Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch chuyên đề về phát triển kinh tế nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm bảo đảm định hướng phát triển bền vững từng ngành hàng phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng khu vực, địa phương.

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án “*Liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng Đồng Tháp Mười đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*” đã được 03 tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang thống nhất.

+ Ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, dịch chuyển dần tỷ lệ lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

+ Rà soát, bổ sung giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, mùa vụ sản xuất nông nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường; tiếp tục nhân rộng các mô hình sản xuất, chăn nuôi hiệu quả phù hợp với điều kiện từng khu vực; xúc tiến hình thành khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với một số sản phẩm như: cây ăn trái, hoa kiểng, lúa...

+ Tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ hộ nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, khuyến nông, cung cấp thông tin thị trường và các dịch vụ tư vấn khác, góp phần định hướng sản xuất hiệu quả, bền vững.

+ Đổi mới nhận thức và phương thức tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trên tinh thần tự lực, chăm chỉ và hợp tác. Vận dụng kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở các nước, đề ra kế hoạch, giải pháp, lộ trình thực hiện cụ thể với quyết tâm cao, nhằm tạo chuyển biến thiết thực, hiệu quả giúp nâng cao đời sống Nhân dân ở khu vực nông thôn; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn, phấn đấu có thêm 07 xã⁽²⁾ đạt chuẩn nông thôn mới. Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất những sản phẩm chất lượng phù hợp với nhu cầu thị trường.

+ Tiếp tục quan tâm, hỗ trợ phát triển mô hình “Hội quán”, nhằm gắn kết người nông dân lại với nhau trên tinh thần tự nguyện, cùng nhau phát triển nông nghiệp bền vững.

- Tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp, thu hút đầu tư:

+ Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa X thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Tiếp tục thực hiện chủ trương “*đồng hành cùng doanh nghiệp*”; ban hành kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Đồng Tháp năm 2018, duy trì chỉ số PCI của Tỉnh đứng trong nhóm 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ khởi nghiệp.

⁽²⁾ Xã Tịnh Thới - TP Cao Lãnh; xã Mỹ Hòa và xã Tân Kiều - huyện Tháp Mười; xã Mỹ An Hưng B và xã Tân Khánh Trung - huyện Lấp Vò, xã An Hiệp và xã Tân Phú - huyện Châu Thành.

+ Thực hiện hiệu quả các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên địa bàn tỉnh, nhất là các chương trình tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ xuất khẩu, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, hợp tác xã. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất, kinh doanh.

+ Triển khai thực hiện các cam kết đã ký trong Hội nghị xúc tiến đầu tư của Tỉnh; hỗ trợ nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn để sớm đưa các dự án vào hoạt động.

+ Duy trì các kênh giao tiếp với Nhân dân và doanh nghiệp thông qua chương trình “ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÂN DÂN”, “CÀ PHÊ DOANH NGHIỆP - DOANH NHÂN”, gặp gỡ doanh nghiệp định kỳ...; tiếp nhận ý kiến phản ánh qua zalo, facebook, Công thông tin điện tử, góp phần phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Huy động các nguồn lực xã hội phục vụ đầu tư phát triển:

+ Quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, nợ đọng thuế, chậm nộp các khoản phải thu ngân sách; thực hiện triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, dành nguồn để tăng chi đầu tư phát triển.

+ Rà soát, lựa chọn danh mục các công trình mang tính động lực, có sức lan toả, có khả năng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế để tập trung vốn ngân sách đầu tư, trọng tâm là các công trình giao thông kết nối, hạ tầng các khu đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp mới để bảo đảm điều kiện thu hút đầu tư.

+ Phối hợp tốt với Bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thành các hạng mục của Quốc lộ 30 và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình của Tỉnh. Rà soát, điều chỉnh và công bố công khai các dự án, công trình có nhiều lợi thế, thu hút sự quan tâm của các thành phần kinh tế để kêu gọi đầu tư xã hội hoá.

+ Rà soát, phân loại, tiến hành cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục giao quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại phù hợp theo khả năng và mức độ tự chủ của từng đơn vị.

- Nhóm nhiệm vụ phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội:

+ Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, tăng tỷ lệ huy động học sinh đến trường, nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Đầu tư cơ sở vật chất và phân đầu có thêm 20 trường đạt chuẩn quốc gia (*nâng tổng số đạt 242/682 trường, chiếm 35,48%*); tổ chức tốt kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2018.

+ Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, quan tâm chăm lo gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với tạo việc làm, nâng cao thu nhập, nhất là ưu tiên khu vực biên giới để có

chính sách hỗ trợ phù hợp. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, tiếp tục đẩy mạnh chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

+ Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo nhân lực y tế giai đoạn 2016 - 2020; tiếp tục hợp tác đào tạo với các viện, trường để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Chủ động thực hiện tốt công tác y tế dự phòng; tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, bảo đảm tất cả người dân được thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

+ Nâng cao chất lượng phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng gia đình văn hóa; khuyến khích các hoạt động thể dục, thể thao nhằm rèn luyện nâng cao sức khỏe cộng đồng.

+ Duy trì các hoạt động gặp gỡ với báo chí để cung cấp, chia sẻ thông tin, nhằm tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách, những chương trình, đề án của Tỉnh đề ra, nhất là thông tin kịp thời về cơ chế, chính sách mới, mô hình sản xuất có hiệu quả... để người dân thông hiểu và tham gia thực hiện.

- Cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng:

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo sâu sát thực tiễn, sát dân, thấu hiểu và giải quyết kịp thời những bức xúc của người dân. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức vững về chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu pháp luật, phục vụ tận tình, lịch sự, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hành chính công Tỉnh.

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, trọng tâm là triển khai rộng rãi phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, ứng dụng rộng rãi phần mềm một cửa điện tử, luân chuyển và xử lý văn bản trên môi trường mạng,...

+ Tiếp tục rà soát, kiến nghị đơn giản hóa các loại thủ tục hành chính nhằm rút ngắn quy trình, thủ tục, tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi cửa quyền, nhũng nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức trong quan hệ giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp.

- Bảo đảm quốc phòng - an ninh và tăng cường đối ngoại:

+ Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển; tiếp tục thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch về phát triển và bảo vệ biên giới. Nâng cao hiệu

quả công tác phòng ngừa các loại tội phạm, kéo giảm tai nạn giao thông,... nhằm bảo đảm ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của Tỉnh.

+ Giữ vững mối quan hệ hợp tác hữu nghị tốt đẹp, giữ gìn và bảo vệ kết quả phân giới cắm mốc tuyến biên giới quốc gia Việt Nam - Campuchia trên địa bàn Tỉnh. Tăng cường đối thoại thông qua các phiên họp liên tịch các huyện giáp biên giữa tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Prâyveng; đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia và tỉnh Salavan, Champasak (Lào). Hợp tác trao đổi thông tin với các tỉnh, vùng, các quốc gia có quan tâm tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Đồng Tháp, tăng cường ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết với tinh thần khẩn trương, quyết tâm cao, nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, đạt các chỉ tiêu của Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- UBND Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- TT/HĐND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Tháp;
- Báo Đồng Tháp;
- Công báo Tỉnh;
- Văn phòng HĐND Tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Ngh).

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng



Phụ lục

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Kế hoạch được phê duyệt số 134/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ư.TH 2017	KH 2018
I	Về kinh tế			
1	- Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	6,04	6,5 - 7
	+ Nông nghiệp	%	1,81	2,8 - 3
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	7,14	7 - 7,2
	Công nghiệp	%	6,81	6,8 - 7
	Xây dựng	%	8,89	8,04 - 8,24
	+ Thương mại - dịch vụ	%	9,23	9,3 - 10,2
	- Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	47.093	50.154 - 50.389
	+ Nông nghiệp	Tỷ đồng	16.514	16.976 - 17.009
	+ Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	10.829	11.588 - 11.609
	Công nghiệp	Tỷ đồng	9.088	9.707 - 9.725
	Xây dựng	Tỷ đồng	1.740	1.881 - 1.884
	Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	19.749	21.590 - 21.771
2	- GRDP/người (giá thực tế)	Tr. đồng	37,47	41
		USD	1.615	1.737
3	- Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	6.370	6.691
4	- Huy động vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	26,3	26,5
5	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	34,8	35,9
II	Về văn hoá - xã hội			
6	- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	51,46	50,5
7	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	61,2	64,1
	Trong đó, đào tạo nghề	%	44	46
8	- Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,52	1,5
9	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	13,8	13,3
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi	%	24,5	24
10	- Số giường bệnh/1 vạn dân	GB	25,1	25,1
	Trong đó, giường bệnh công lập	GB	23,1	23,3
11	- Số bác sĩ/1 vạn dân	BS	7,8	7,9
12	- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	75,8	81,2
13	- Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới	xã	36	43
III	Về môi trường			
14	- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98	98
15	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	96,1	98
16	- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	77	78